

Số: /BC-UBND

Hoài Nhơn, ngày tháng 06 năm 2024

**BÁO CÁO**  
**CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ II NĂM 2024**

Thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ theo quy định của Sở Nội vụ, UBND thị xã Hoài Nhơn báo cáo tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính (CCHC) quý II/2024 như sau:

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH VÀ TUYÊN TRUYỀN CCHC**

**1. Công tác chỉ đạo, điều hành**

Để đảm bảo triển khai, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ về cải cách hành chính năm 2024, UBND thị xã đã ban hành Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 29/12/2023 về Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024, trong đó, xác định rõ 14 chỉ tiêu và 08 nhiệm vụ với 24 phần việc cần thực hiện trong năm 2024 liên quan đến cải cách hành chính (CCHC) gồm cải cách thể chế, thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy, xây dựng và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, cải cách tài chính công, hiện đại hóa nền hành chính và công tác tuyên truyền, chỉ đạo điều hành CCHC; đồng thời ban hành nhiều văn bản<sup>1</sup> chỉ đạo và phân công cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện từng nhiệm vụ cụ thể.

Ban hành Quyết định<sup>2</sup> thành lập Tổ thẩm định Kế hoạch cải cách hành chính cấp xã, theo đó, Tổ đã tiến hành thẩm định, các xã, phường căn cứ vào báo cáo kết quả thẩm định đã điều chỉnh các chỉ tiêu, nhiệm vụ cho phù hợp.

Ngày 13/3/2024, UBND thị xã tổ chức Hội nghị tổng kết công tác cải cách hành chính năm 2023 và bàn phương hướng, nhiệm vụ năm 2024. Qua Hội nghị, Chủ tịch UBND thị xã đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc rút kinh nghiệm, khẩn trương khắc phục những tiêu chí chỉ số CCC đạt thấp, nhất là chỉ số đánh giá sự hài lòng, đồng thời tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; có giải pháp chỉ đạo cụ thể để chấn chỉnh lề lối làm việc, thái độ phục vụ và trách nhiệm trong thực thi công vụ

<sup>1</sup> Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 24/01/2024 của UBND thị xã về việc tuyên truyền cải cách hành chính năm 2024;

Quyết định số 1572/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của UBND thị xã Hoài Nhơn ban hành Kế hoạch thực hiện công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính năm 2024 trên địa bàn thị xã;

Quyết định số 1143/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2024 của UBND thị xã Hoài Nhơn ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật năm 2024 trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn;

Quyết định số 2718/QĐ-UBND ngày 01/03/2024 của UBND thị xã về việc ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2024 trên địa bàn thị xã;

Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của UBND thị xã việc giao 07 chỉ tiêu liên quan đến Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn năm 2024;

<sup>2</sup> Quyết định số 4856/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 về thành lập Tổ thẩm định Kế hoạch cải cách hành chính cấp xã

của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý; các cơ quan, đơn vị được phân công nhiệm vụ theo dõi, phụ trách nhiệm vụ cải cách hành chính phải tập trung thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả lĩnh vực cải cách TTHC và hiện đại hóa nền hành chính.

Mô hình “Hành chính phục vụ người dân” đã được triển khai tại 11/17 địa phương cấp xã: xã Hoài Mỹ, xã Hoài Sơn, xã Hoài Châu, phường Hoài Tân, phường Tam Quan Nam, phường Tam Quan Bắc, phường Hoài Hảo, phường Hoài Xuân, phường Hoài Thanh, phường Bồng Sơn, phường Hoài Đức. Từ ngày 19/04/2024 đến 18/5/2024 đã tổ chức trao 169 thư chúc mừng (109 khai sinh, 60 kết hôn), 64 thư chia buồn cho các hộ gia đình trên địa bàn thị xã.

## **2. Tiến độ thực hiện kế hoạch CCHC:**

Đến thời điểm báo cáo, qua đánh giá, UBND thị xã đã thực hiện 18/24 nội dung. Các nhiệm vụ còn lại chưa đến hạn thực hiện hoặc đang triển khai chưa đánh giá kết quả.

## **3. Về công tác thông tin, tuyên truyền CCHC:**

Căn cứ vào Kế hoạch tuyên truyền của thị xã, các cơ quan, ban, ngành thị xã và UBND các xã, phường đã ban hành kế hoạch tuyên truyền CCHC hoặc lồng ghép nội dung tuyên truyền về CCHC vào các cuộc họp, hội nghị, các chương trình, kế hoạch công tác của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Công thông tin điện tử thị xã, xã, phường thường xuyên đăng các tin, bài về công tác CCHC, các văn bản chỉ đạo, báo cáo cải cách hành chính định kỳ, cải cách thủ tục hành chính; dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; thanh toán trực tuyến phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính; dịch vụ bưu chính công ích....

Nhằm đa dạng hình thức tuyên truyền về cải cách hành chính, nhiều địa phương đã tổ chức Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu về Cải cách hành chính” năm 2024 như Bồng Sơn, Tam Quan Nam....

## **4. Về kiểm tra công tác CCHC**

UBND thị xã đã ban hành số Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2024 về kiểm tra CCHC; Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch UBND thị xã Hoài Nhơn về việc thành lập Đoàn Kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2024,

Trong quý III/2024 sẽ tiến hành kiểm tra đối với 8 xã, phường và kiểm tra đột xuất không thông báo đối với các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, phường trên địa bàn thị xã để đánh giá thực trạng tình hình công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện về công tác CCHC của cơ quan, địa phương; nhân rộng các cơ quan, đơn vị điển hình, tiên tiến, kịp thời phát hiện những tồn tại, khó khăn, vướng mắc để xác định nguyên nhân trách nhiệm và đề xuất các giải pháp nhằm tháo gỡ, khắc phục những hạn chế, nâng cao hiệu quả công tác CCHC trên địa bàn thị xã.

**5. Tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao:**

Tính đến thời điểm này, UBND thị xã được giao 31 nhiệm vụ đã thực hiện 20 nhiệm vụ, trong đó đúng hạn 13 nhiệm vụ, 11 nhiệm vụ đang trong thời gian xử lý.

## **6. Đánh giá về những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC được thí điểm, nhân rộng và triển khai có hiệu quả tại cơ quan, đơn vị:**

UBND thị xã đã ban hành Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 về việc Công nhận đề tài sáng kiến, giải pháp công tác năm 2023, trong đó có 09 sáng kiến sáng kiến, giải pháp mới trong công tác CCHC; tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị địa phương áp dụng các sáng kiến, giải pháp mới trong công tác CCHC, tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các sáng kiến về CCHC trong năm 2024. Kết quả thực hiện sẽ đánh giá vào quý IV/2024.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

### **1. Ban hành, rà soát và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật**

#### **- Kết quả xây dựng, tham mưu ban hành/ban hành văn bản quy phạm pháp luật.**

Trong kỳ, UBND thị xã đã ban hành 03<sup>3</sup> bản quy phạm pháp luật, văn bản ban hành đều bảo đảm đúng trình tự, quy định pháp luật, phù hợp thực tiễn, công tác quản lý, điều hành ở địa phương

#### **- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật.**

UBND thị xã ban hành Quyết định số 2718/QĐ-UBND ngày 01/03/2024 về việc ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2024 trên địa bàn thị xã, giao Phòng Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên nhiều lĩnh vực.

#### **- Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.**

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn thị xã tiếp tục được duy trì, triển khai trên nhiều lĩnh vực<sup>4</sup>, Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục

<sup>3</sup> Quyết định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra thị xã Hoài Nhơn; Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 05/2020/NQHĐND ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thị xã Hoài Nhơn hỗ trợ đầu tư xây dựng thoát nước, vỉa hè, thảm bê tông nhựa, điện chiếu sáng, trồng cây xanh, công viên, hoa viên trên địa bàn phường, xã, giai đoạn 2021–2025; Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 7 Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới kèm theo Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thị xã Hoài Nhơn.

<sup>4</sup> 03 quyết định, 22 kế hoạch, 04 công văn: Quyết định số 22016/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 ban hành Kế hoạch triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tết Nguyên đán Giáp Thìn và mùa Lễ hội Xuân 2024 trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn; Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 trên địa bàn thị xã; Quyết định số 2289/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 về việc ban hành Kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024; Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 18/3/2024 về phổ biến các văn bản luật được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 6 và Kỳ họp bất thường lần thứ 5; Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 28/3/2024 về tuyên truyền, phổ biến nội dung cơ bản của Công ước quốc tế và pháp luật Việt Nam về các quyền dân sự, chính trị năm 2024 trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn;; Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày 28/3/2024 về thực hiện Đề án “Tổ chức

pháp luật thị xã ban hành Kế hoạch số 04/KH-HĐPH ngày 25/3/2024 về kế hoạch hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật thị xã năm 2024; Công văn số 06/HĐPH ngày 13/5/2024 về việc tăng cường truyền thông, phổ biến Luật Đất đai...

### **- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật**

UBND thị xã ban hành Quyết định số 2189/QĐ-UBND ngày 19/02/2024 công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND thị xã Hoài Nhơn kỳ 2019-2023; Báo cáo số 70/BC-UBND ngày 28/02/2024 về kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thời kỳ 2019-2023.

Thực hiện Quyết định số 1439/QĐ-UBND ngày 01/02/2023 của UBND thị xã ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật năm 2023, Phòng Tư pháp đã phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thị xã rà soát, tham mưu Chủ tịch UBND thị xã ban hành Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 về công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực trong năm 2023 của UBND thị xã Hoài Nhơn (*kết quả đã công bố 01 quyết định quy phạm pháp luật của UBND thị xã hết hiệu lực*); tổng hợp, tham mưu UBND thị xã Báo cáo số 38/BC-UBND ngày 29/01/2024 về kết quả công tác kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật năm 2023.

## **2. Cải cách thủ tục hành chính**

### **2.1. Công bố, công khai TTHC, danh mục TTHC**

UBND thị xã đã chỉ đạo các phòng ban chuyên môn, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của thị xã và UBND các xã, phường cập nhật, niêm yết công khai các quy trình tiếp nhận hồ sơ đúng quy định tại Phụ lục IV Thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn Phòng Chính phủ. Nội dung niêm yết theo các Quyết định phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính của UBND tỉnh đã ban hành.

Tổng số TTHC được công khai: 476 thủ tục: Cấp huyện: 322 thủ tục (trong đó có 122 thủ tục DVC trực tuyến toàn trình, 166 thủ tục DVC trực tuyến một phần, 34 thủ tục còn lại); Cấp xã: 154 thủ tục (trong đó có 56 thủ tục DVC trực tuyến toàn trình, 59 thủ tục DVC trực tuyến một phần, 39 thủ tục còn lại)).

### **2.2. Rà soát, đơn giản hóa TTHC**

- Đã thực hiện hoàn thành quy trình đơn giản hóa đối với 02 thủ tục hành chính cấp xã, 01 thủ tục hành chính cấp huyện trình sở, ngành cấp trên xem xét để

---

*truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027" trên địa bàn thị xã năm 2024;; Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 22/04/2024 về triển khai thi hành Luật lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở; Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 26/04/2024 về thực hiện Chỉ thị 31/CT-TTg ngày 21/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông cho lứa tuổi học sinh trong tình hình mới trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn; Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 10/05/2024 về thực hiện công tác dân vận chính quyền năm 2024; Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 17/05/2024 về hoạt động phòng, chống tác hại thuốc lá năm 2024 trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn; Công văn số 411/UBND-VX ngày 02/02/2024 về việc triển khai thi hành Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023.....*

triển khai các bước tiếp theo.

- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC: Theo phụ lục 1

### **2.3. Kết quả giải quyết TTHC: Theo phụ lục 2**

## **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

- **Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập:**

100% các cơ quan, đơn vị thị xã đã rà soát, ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan, đơn vị mình theo đúng hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương; thay đổi tên cơ quan quản lý, chủ quản và thực hiện thủ tục đổi con dấu đối với 12 trường Mầm non, 26 trường Tiểu học và 17 trường Trung học cơ sở thuộc UBND thị xã

Hoàn thành các bước triển khai Đề án sáp nhập đơn vị hành chính xã Hoài Hải giai đoạn 2023-2025.

### **- Về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức:**

Về công tác quản lý, sử dụng cán bộ, công chức: đã thực hiện thường xuyên duy trì, thực hiện tốt Luật Cán bộ, công chức; xây dựng và tổ chức thực hiện các quy định mới về quản lý đội ngũ cán bộ, công chức. Hầu hết, các cơ quan, đơn vị đã thực hiện tốt việc quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, việc thống kê quản lý đội ngũ cán bộ, công chức đã được thực hiện đúng theo quy định, công tác tổng hợp, lập báo cáo cho cấp có thẩm quyền đều được thực hiện kịp thời, nhanh chóng,

UBND thị xã ban hành Quyết định số 912KH-UBND ngày 13/01/2024 về phân bổ biên chế hành chính, đơn vị sự nghiệp thị xã năm 2024; Quyết định số 20500/QĐ-UBND ngày 28/2/2024 về giao số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đối với từng đơn vị hành chính cấp xã của thị xã Hoài Nhơn năm 2024.

- **Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền:**

Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 30/10/2023 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước; Thực hiện Quyết định số 10625/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 của UBND huyện Hoài Nhơn (nay là thị xã) về việc phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và nước sinh hoạt nông thôn thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng kinh tế thị xã đã tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã ban hành Kế hoạch số 115/KH-PKT ngày 20/02/2024 kiểm tra chuyên ngành, ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc ngành Nông nghiệp quản lý

trên địa bàn thị xã năm 2024.

#### **4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức**

##### **- Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức:**

Thực hiện Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 22/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc triển khai xây dựng vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân dân thị xã ban hành Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 21/12/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Hoài Nhơn về việc triển khai xây dựng vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thị xã, qua đó, UBND thị xã đã phê duyệt danh mục vị trí việc làm của 62 trường công lập thuộc UBND thị xã, 05 đơn vị sự nghiệp thuộc UBND thị xã, Hội Chữ thập đỏ thị xã và danh mục vị trí việc làm cán bộ, công chức của 17 xã, phường trên địa bàn thị xã, trình tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc UBND thị xã Hoài Nhơn

##### **- Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức (thi tuyển, xét tuyển):**

Ban hành quyết định tuyển dụng đối với 193 thí sinh đã hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển theo quy định; trình đề nghị UBND tỉnh bổ nhiệm ngạch, xếp lương chuyên viên chính đối với 08 công chức trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch công chức lên chuyên viên chính tỉnh Bình Định năm 2023; Quyết định tiếp nhận 01 viên chức vào làm công chức tại Thanh tra thị xã;

Thực hiện quy trình kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào công chức cấp xã đối với 02 trường hợp cán bộ đã thôi giữ chức vụ; tiếp nhận 01 công chức cấp xã ngoài thị xã đến nhận công tác tại thị xã Hoài Nhơn; điều động và tiếp nhận 01 viên chức vào công chức cấp xã.

##### **- Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức:**

Thực hiện đúng quy trình về công tác bổ nhiệm<sup>5</sup>, bổ nhiệm lại công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cam kết trách nhiệm thực hiện trước khi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại.

##### **- Kết quả thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức**

---

<sup>5</sup> 01 Phó Giám đốc Ban Quản lý Cảng cá và Dịch vụ đô thị, Giám đốc và 01 Phó Giám đốc Trung tâm GDNN – GDTX; Bộ nhiệm Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã, Phó Trưởng Phòng Kinh tế thị xã; Phó Giám đốc Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp; Hiệu trưởng trường Tiểu học số 2 Tam Quan; Hiệu trưởng trường Tiểu học số 1 Hoài Thanh Tây; Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học số 1 Tam Quan Bắc; Hiệu trưởng trường Tiểu học số 1 Hoài Châu Bắc; Hiệu trưởng trường Tiểu học số 1 Hoài Thanh; 01 Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học số 2 Tam Quan Bắc; 01 Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học số 2 Hoài Mỹ; 01 Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học số 2 Bồng Sơn; 02 Phó Hiệu trưởng trường Mầm non Bồng Sơn; 01 Phó Hiệu trưởng Mầm non Tam Quan Nam và 01 Phó Hiệu trưởng trường Mầm non Hoài Hào..

<sup>5</sup> 01 Phó Giám đốc Trung tâm VH-TT-TT, 02 Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ; Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng trường Mầm non Hoài Châu Bắc; 01 Phó Trưởng Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội

<sup>5</sup> 02 trường hợp: Giám đốc Trung tâm Văn hóa – Thông tin – Thể thao; 01 Phó Giám đốc Ban Quản lý cảng cá và dịch vụ đô thị thị xã.

**và thi:**

Trình đề nghị UBND tỉnh bổ nhiệm ngạch, xếp lương chuyên viên chính đối với 08 công chức trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch công chức lên chuyên viên chính tỉnh Bình Định năm 2023.

**- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, địa phương:**

UBND thị xã đã ban hành Quyết định số 722/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 về việc ban hành Kế hoạch kiểm tra công vụ trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn năm 2024; thành lập Đoàn kiểm tra công vụ và tổ chức kiểm tra công vụ đối với UBND phường Hoài Hương, thực hiện kiểm tra trong quý III/2024; Tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính các cấp;

**- Kết quả thực hiện các quy định về chuyển đổi đối với từng vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức:**

Ủy ban nhân dân thị xã ban hành Kế hoạch và Quyết định chuyển công tác viên chức quản lý các trường công lập thuộc thẩm quyền quản lý của UBND thị xã Hoài Nhơn năm học 2023-2024<sup>6</sup>; Kế hoạch<sup>7</sup> chuyển đổi vị trí công tác của công chức, viên chức trên địa bàn thị xã năm 2024; Công văn rà soát, tổng hợp danh sách công chức, viên chức chuyển đổi vị trí công tác năm 2024.

**- Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức:**

Để công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo hiệu quả, nâng cao năng lực thực thi công vụ của CBCCVC, UBND thị xã ban hành Kế hoạch số 41/UBND ngày 29/2/2024 về đào tạo bồi dưỡng năm 2024, trên cơ sở đó các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo nhiệm vụ được phân công. Trong 6 tháng đầu năm 2024 đã mở lớp tập huấn nghiệp vụ xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo; Tiếp công dân và xử lý vi phạm hành chính nhà nước; Tập huấn kỹ năng hướng dẫn cho người dân về danh tính số và tài khoản số; tập huấn theo dõi thi hành pháp luật, kiểm tra rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; công tác hòa giải ở cơ sở. Đăng ký với Trường Bồi dưỡng cán bộ tài chính tổ chức lớp bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kế toán.

## **5. Cải cách tài chính công**

**- Kết quả thu, chi ngân sách:**

+ Ước tổng thu NSNN phát sinh trên địa bàn 06 tháng đầu năm 2024: 496,601 tỷ đồng, đạt 64,7% so dự toán, bằng 216,2% so cùng kỳ. Trong đó, thu cân đối chi thường xuyên 217,411 tỷ đồng, đạt 68,5% so dự toán, bằng 128% so

<sup>6</sup> Chuyển công tác và bổ nhiệm Hiệu trưởng các trường: Tiểu học số 1 Hoài Tân; Tiểu học số 2 Hoài Tân; Tiểu học số 2 Hoài Thanh; Tiểu học số 3 Hoài Hương; Tiểu học số 1 Hoài Hương; THCS Hoài Đức và THCS số 2 Bồng Sơn

<sup>7</sup> Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 18/3/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Hoài Nhơn về chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức năm 2024

cùng kỳ; thu tiền sử dụng đất 279,19 tỷ đồng, đạt 62% so dự toán, bằng 446,7% so cùng kỳ.

+Ước tổng chi ngân sách 06 tháng đầu năm 2024: 718,934 tỷ đồng, chiếm 58% dự toán năm và bằng 117% so cùng kỳ. Trong đó: Chi đầu tư phát triển: 255,661 tỷ đồng, đạt 53% so dự toán và bằng 117% so cùng kỳ; Chi thường xuyên: 391,73 triệu đồng, đạt 52% so dự toán và bằng 125% so với cùng kỳ.

+ Về giải ngân: Ước thực hiện 06 tháng đầu năm 2024 (đến 30/6/2024) 319,876 tỷ đồng/650,851 tỷ đồng, đạt 49,1% kế hoạch (trong đó, Vốn thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giải ngân 7,830 tỷ đồng/9,064 tỷ đồng, đạt 86,4% kế hoạch).

+Vốn ngân sách tinh cân đối hỗ trợ 64,215 tỷ đồng/77,932 tỷ đồng, đạt 82,4% kế hoạch;

+ Vốn giao cho thị xã thực hiện 255,661 tỷ đồng/ 572,918 tỷ đồng, đạt 44,6% kế hoạch.

**- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công và thực hiện cơ chế tự chủ:**

100% các cơ quan, đơn vị đã rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công năm 2024 đúng quy định, phù hợp tình hình tài chính ngân sách địa phương. Thực hiện giao dự toán ngân sách nhà nước cho các đơn vị theo đúng quy định, đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội.

100% các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng các quy định về cơ chế tự chủ, quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị

**6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

- Hoàn thành đầu tư Hệ thống đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông tại 08 xã, phường và Hệ thống bảo đảm An toàn thông tin theo cấp độ tại UBND thị xã;

Có 133 chứng thư số, 147 sim ký số được cấp cho CBCCVV thị xã, xã phường; 100% CBCCVV là Lãnh đạo UBND thị xã, UBND các xã, phường được cấp sim ký số trên điện thoại di động.

100% các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường đều ban hành danh mục hồ sơ công việc, 100% công chức cấp huyện, cấp xã thực hiện lập hồ sơ công việc trên môi trường điện tử.

- **Về Phát triển kinh tế số:** Hầu hết các doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp trên địa bàn thị xã đều sử dụng Hợp đồng điện tử, đăng ký khai thuế điện tử, nộp thuế điện tử. Có 641/641 doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã được lên sàn thương mại điện tử; Có 50/50 sản phẩm OCOP thị xã có mặt trên sàn thương mại điện tử, đạt tỷ lệ 100%.

100% các trung tâm Y tế, bệnh viện, các cơ sở giáo dục, trường học, trung tâm trên địa bàn thị xã đã triển khai phương thức thanh toán không dùng tiền



mặt. Đã triển khai phương thức thanh toán không dùng tiền mặt tại các Chợ, các cửa hiệu kinh doanh, tuyên phổ không dùng tiền mặt ở một số địa phương: Tam Quan, Hoài Châu Bắc, Bồng Sơn....Các Phòng giao dịch, Chi nhánh ngân hàng trên địa bàn thị xã đang có chương trình mở mã QR Code cho các khách hàng đăng ký mở tài khoản để thanh toán khi giao dịch trao đổi mua bán hàng hóa, dịch vụ.

- **Về phát triển xã hội số:** Có 139.287/204.670 người dân được cấp danh tính số, đạt tỷ lệ 68%; Có 1.066 chữ ký số được cấp cho công dân trên địa bàn thị xã để thực hiện ký số trên cổng dịch vụ công tỉnh, quốc gia (Trung tâm viễn thông II cấp 931 chữ ký số, Viettel cấp 135 chữ ký số); 98% người dân được lập Hồ sơ sức khỏe điện tử. Có 12 di tích được số hóa trên nền tảng Zalo và thực hiện cắm bản có mã QR phục vụ tra cứu thông tin (Địa điểm lưu niệm cuộc biểu tình năm 1931 tại cây số 7 Tài Lương, Nhà lưu niệm Chi bộ Cứu Lợi, Tàu không số Lộ Diêu, chiến thắng Chợ Cát, Di tích lịch sử Trạm Phẫu, Di tích lịch sử vụ thảm sát tại nhà thờ Thác đá hạ, Di tích lịch sử vụ thảm sát Ngã Ba Đình, Di tích lịch sử Cẩm An Sơn, Di tích khảo cổ Động Cườm, Di tích lịch sử Đền thờ Đào Duy Từ, Di tích lịch sử chiến thắng Đồi 10, Di tích lịch sử Lăng Ông Nam Hải Vạn Kim Giao).

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG:**

#### ***1. Ưu điểm:***

Nhìn chung, trong 6 tháng đầu năm 2024, công tác CCHC đã được các cơ quan, ban, ngành thị xã và UBND các xã, phường quan tâm, các văn bản chỉ đạo thực hiện Cải cách hành chính được ban hành kịp thời; theo đúng kế hoạch.

Tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị thị xã được sắp xếp, kiện toàn theo đúng chức năng, nhiệm vụ; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bước chuyển biến tích cực về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ, được phân công, bố trí theo đúng vị trí việc làm. Thực hiện cải cách tài chính công và quản lý ngân sách đã phát huy hiệu quả trong việc phân bổ, bố trí nguồn lực hợp lý đối với các cấp chính quyền. Ứng dụng CNTT vào hoạt động quản lý của các cơ quan nhà nước đã góp phần đẩy mạnh hiện đại hóa hành chính, tạo sự minh bạch, thông suốt trong hoạt động quản lý nhà nước của các cấp chính quyền.

#### ***2. Những tồn tại, hạn chế trong thực hiện CCHC***

Một số phòng, ban, ngành thị xã và UBND các xã, phường chưa tích cực công tác tuyên truyền về CCHC. Việc xây dựng Kế hoạch và công tác chỉ đạo điều hành CCHC của một số xã, phường chưa thật sự bám sát vào các nhiệm vụ và chưa có giải pháp, sản phẩm cụ thể. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu liên quan dịch vụ công trực tuyến một số xã, phường đạt mức thấp...

### **IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN ĐẾN**

1. Tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc các chỉ tiêu, nhiệm vụ từng năm, giai đoạn theo Kế hoạch của UBND thị xã về thực hiện Chương

trình hành động số 10- CTr/TU ngày 27/10/2020 của Thị ủy Hoài Nhơn và Kế hoạch số 22-KH/TU ngày 30/6/2021 của Ban Thường vụ Thị ủy về thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy về “Cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, giai đoạn 2020-2025”.

2. Bám sát các chương trình, kế hoạch, đề án và các quy định hiện hành của Trung ương, của tỉnh về cải cách hành chính để triển khai thực hiện, bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm với các giải pháp đột phá, khả thi. Trong quá trình đó, tăng cường công tác theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tuyên truyền cải cách hành chính, kịp thời phát hiện, nhân rộng những điển hình, sáng kiến trong cải cách hành chính.

3. Nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính hợp pháp, đồng bộ, thống nhất, tính khả thi, tính hiệu quả của văn bản. Tăng cường công tác rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành pháp luật, kịp thời phát hiện những bất cập để kiến nghị với cấp có thẩm quyền xử lý.

4. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong công tác giải quyết thủ tục hành chính; ưu tiên đẩy mạnh việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, tái sử dụng kết quả số hóa và khai thác hiệu quả “Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư”, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ giải quyết thủ tục hành chính; thực hiện việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả dịch vụ công trực tuyến đáp ứng yêu cầu thực chất; tiếp tục triển khai hiệu quả Mô hình “Hành chính phục vụ người dân” trên địa bàn thị xã.

5. Thực hiện tinh giản biên chế gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm. Rà soát, hoàn thiện đề án cơ cấu vị trí việc làm theo ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức. Tập trung thực hiện bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã đáp ứng yêu cầu thực hiện chính quyền điện tử, chính quyền số. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đổi mới phương thức, lề lối làm việc, kiên quyết xử lý theo quy định những cán bộ, công chức, viên chức có hành vi những nhiều, tiêu cực, tự ý đặt ra thủ tục hành chính không đúng quy định hoặc để chậm, muộn hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, vi phạm đạo đức công vụ.

6. Triển khai quyết liệt và đồng bộ các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công và kinh phí do ngân sách nhà nước phân bổ; nâng cao hiệu quả quản lý tài sản công, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng, tiêu cực. Tiếp tục triển khai thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Tăng số đơn vị sự nghiệp được phê duyệt đề án tự chủ một phần và tăng mức độ tự chủ so với giai đoạn trước.

7. Ưu tiên nguồn lực, tập trung triển khai có hiệu quả các nhóm nhiệm vụ về xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử; thực hiện hiệu quả việc xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử và gửi, nhận văn bản điện tử trong nội bộ các cơ quan hành chính nhà nước; thường xuyên rà soát, chủ động đăng ký dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết; tăng

cường tiếp nhận hồ sơ trực tuyến mức độ 3, mức độ 4;

8. Triển khai thực hiện có hiệu quả việc khảo sát, đánh giá sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước. Nhằm đánh giá khách quan, chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công, đồng thời tạo điều kiện để người dân phát huy vai trò giám sát và tham gia vào công tác cải cách hành chính của thị xã.

## **V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

Trong năm 2024, UBND tỉnh, Sở Nội vụ tiếp tục mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác cải cách thủ tục hành chính cho cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan liên quan, nhất là những người trực tiếp làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

***Nơi nhận:***

- Sở Nội vụ (b/c)
- Thường trực TU (b/c);
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Phòng Nội vụ;
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phạm Văn Chung**

## BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC CHỈ TIÊU CẤP HUYỆN CỦA UBND THỊ XÃ HOÀI NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Từ ngày 15 tháng 12 năm 2023 đến ngày 12 tháng 06 năm 2024

(Kèm theo Báo cáo số / BC-UBND ngày tháng năm

STT	Lĩnh vực	Tổng số HS TTHC tiếp nhận	Tổng số HS TTHC tiếp nhận	Thanh toán trực tuyến						Cấp kết quả điện tử					Khai thác, sử dụng lại thông tin số hóa			DVC có phát sinh hồ sơ trực tuyến			TTHC cung cấp thanh toán trực tuyến		
				Số lượng giao dịch phát sinh	Kết quả thực hiện (%)	Tổng số hồ sơ có thanh toán phí, lệ phí	Số lượng giao dịch phát sinh	Kết quả thực hiện (%)	Số lượng hồ sơ số hóa	Kết quả thực hiện (%)	Tổng số hồ sơ đã giải quyết	Số lượng hồ sơ cấp kết quả điện tử	Kết quả thực hiện (%)	Tổng số HS tiếp nhận	Hồ sơ sử dụng lại dữ liệu số hóa	Kết quả thực hiện (%)	Tổng số DVC phát sinh hồ sơ	Số lượng DVC phát sinh hồ sơ trực	Kết quả thực hiện (%)	Tổng số TTHC phát sinh giao dịch	Số lượng TTHC phát sinh giao dịch thành	Kết quả thực hiện (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)	(13)	(14)	(15)	(17)	(18)	(19)	(21)	(22)	(23)	(25)	(26)	(27)	(29)	(30)	
1	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng	20	20	20	100	20	18	90	20	100	18	18	100	20	0	0	1	1	100	1	1	100	
2	Bảo Trợ Xã Hội	1848	1848	1848	100	0	0	0	1848	100	1833	1829	99,8	1848	1373	74,3	8	8	100	0	0	0	
3	Chứng thực	6901	6898	6886	99,8	6787	6738	99,3	6900	100	6871	6864	99,9	29	23	79,3	3	3	100	3	3	100	
4	Đăng ký biện pháp bảo đảm	3574	3574	3574	100	3574	3557	99,5	3574	100	3574	3574	100	3574	2027	56,7	3	3	100	3	3	100	
5	Đất đai	9475	9233	9232	97,4	7302	3790	51,9	9473	100	9021	8954	99,3	9475	5859	61,8	17	17	100	12	11	91,7	
6	Giáo dục Mầm non	1	1	1	100	0	0	0	1	100	1	1	100	1	0	0	1	1	100	0	0	0	
7	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục q	24	24	24	100	0	0	0	24	100	24	24	100	24	0	0	1	1	100	0	0	0	
8	Hoạt động xây dựng	891	891	891	100	887	851	95,9	891	100	852	847	99,4	891	590	66,2	7	7	100	7	3	42,9	
9	Hộ tịch	6843	6843	6843	100	6221	6170	99,2	6843	100	6840	6822	99,7	6843	3995	58,4	19	19	100	17	17	100	
10	Kinh doanh khí	5	5	5	100	5	5	100	5	100	10	10	100	5	0	0	1	1	100	1	1	100	
11	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
12	Lưu thông hàng hóa trong nước	7	7	7	100	7	6	85,7	7	100	9	9	100	7	5	71,4	2	2	100	2	2	100	
13	Môi trường	2	2	2	100	2	0	0	2	100	2	2	100	2	0	0	1	1	100	1	0	0	
14	Người Có Công	366	216	169	46,2	0	0	0	364	99,5	396	393	99,2	366	175	47,8	3	3	100	0	0	0	
15	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	1	1	100	0	0	0	1	100	1	1	100	1	0	0	1	1	100	0	0	0	
16	Nuôi con nuôi	1	1	1	100	0	0	0	1	100	1	1	100	1	1	100	1	1	100	0	0	0	
17	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	2	2	2	100	0	0	0	2	100	2	2	100	2	0	0	2	2	100	0	0	0	
18	Phòng, chống tệ nạn xã hội	1	1	1	100	0	0	0	1	100	1	1	100	1	0	0	1	1	100	0	0	0	
19	Phòng, chống thiên tai	6	6	6	100	0	0	0	6	100	6	6	100	6	2	33,3	1	1	100	0	0	0	
20	Phổ biến giáo dục pháp luật	14	14	14	100	0	0	0	14	100	14	14	100	14	9	64,3	6	6	100	0	0	0	
21	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	179	179	179	100	0	0	0	179	100	195	195	100	179	82	45,8	1	1	100	0	0	0	
22	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	50	50	50	100	47	0	0	50	100	54	54	100	50	26	52	3	3	100	2	0	0	
23	Thành lập và hoạt động của hợp tác xã	4	4	4	100	3	0	0	4	100	4	4	100	4	1	25	3	3	100	2	0	0	
24	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh	598	598	598	100	320	2	0,6	598	100	605	603	99,7	598	361	60,4	6	6	100	3	1	33,3	
25	Thi đua - khen thưởng	219	219	219	100	0	0	0	219	100	233	232	99,6	219	38	17,4	16	16	100	0	0	0	
26	Thuế	1	1	1	100	0	0	0	1	100	1	1	100	1	1	100	1	1	100	0	0	0	
27	Tổ chức phi chính phủ, Quản lý nhà nước về h	38	38	38	100	0	0	0	38	100	38	38	100	38	11	28,9	2	2	100	0	0	0	
28	Tôn giáo Chính phủ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
30	Trồng Trọt	2	2	2	100	0	0	0	2	100	2	2	100	2	0	0	1	1	100	0	0	0	
31	Văn hóa	1	1	1	100	0	0	0	1	100	1	1	100	1	1	100	1	1	100	0	0	0	
32	Văn hóa cơ sở	7	7	7	100	1	0	0	7	100	7	7	100	7	4	57,1	5	5	100	1	0	0	
Σ	<b>Tổng số</b>	<b>31081</b>	<b>30686</b>	<b>30626</b>	<b>98,5</b>	<b>25176</b>	<b>21137</b>	<b>84</b>	<b>31076</b>	<b>100</b>	<b>31017</b>	<b>30910</b>	<b>99,7</b>	<b>24209</b>	<b>14584</b>	<b>60,2</b>	<b>118</b>	<b>118</b>	<b>100</b>	<b>55</b>	<b>42</b>	<b>76,4</b>	

**Phụ lục I**  
**BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ**  
**CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG**

**Biểu mẫu 1**  
**Công tác chỉ đạo điều hành CCHC**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	25	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	100%	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	24	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	18	
3.	<b>Kiểm tra CCHC</b>			
3.1.	Số đơn vị thuộc cơ quan, địa phương đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.1.	Tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.	<b>Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao</b>			
1.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	31	
1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	13	
1.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	7	
1.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
2.	<b>Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp</b>	Không = 0 Có = 1	2	

**Biểu 2**  
**Cải cách thể chế**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL <sup>1</sup> đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	0	
1.1.	Số VBQPPL do cơ quan (sở, ngành) tham mưu tỉnh ban hành	Văn bản		
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	3	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản		
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL		0	
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp huyện	Văn bản		
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản		
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
3.	Rà soát VBQPPL		0	
3.1.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100%	
3.1.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản		
3.1.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		

**Biểu mẫu 3**  
**Cải cách thủ tục hành chính**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Thống kê TTHC</b>			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	03	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại cơ quan, địa phương	Thủ tục		
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>		
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	322	
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	154	
<b>2.</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	106	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
<b>3.</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các cơ quan, địa phương tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.2.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%		
3.2.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>		
3.2.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>	1	

**Biểu mẫu 4**  
**Cải cách tổ chức bộ máy**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc, đáp ứng các tiêu chí theo quy định	Hoàn thành = 1 Chưa hoàn thành = 0	1	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	86	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	84	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, đơn vị hành chính thuộc và trực thuộc	Người		
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	3	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	2267	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	7	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		



**Biểu mẫu 5**  
**Cải cách chế độ công vụ**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	12	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	67	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	193	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người		
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		0	
4.1.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		

Biểu mẫu 6

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	<b>49,1</b>	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	319,876.000	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	319,876.000	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) thuộc cơ quan, địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)		72	
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập thuộc cơ quan, địa phương	Đơn vị	72	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	05	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	9	
2.4.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	9	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	58	

**Biểu mẫu 7**  
**Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Số liệu về trao đổi văn bản điện tử</b>			
1.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của cơ quan, địa phương <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>			
1.1.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%		
1.1.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>		98%	
1.1.3.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>		99%	
1.2.	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng			
1.2.1.	<i>Cấp sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>			
1.2.2.	<i>Cấp huyện</i>	100%	100%	
1.2.3.	<i>Cấp xã</i>	100%	100%	
<b>2.1.</b>	<b>Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3</b>	%		
2.1.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	Thủ tục	116	
2.1.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	Thủ tục	116	
2.1.3.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	Thủ tục	16	
2.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100%	
2.2.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	Thủ tục	115	
2.2.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	Thủ tục	115	
2.2.3.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	Thủ tục	32	

2.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100%	
2.3.1.	<i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của cơ quan, địa phương</i>	<i>Thủ tục</i>	275	
2.3.2.	<i>Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>	275	
2.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 ( <i>Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ</i> )	%	93%	
2.4.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	30189	
2.4.2.	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	28283	
2.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100%	
2.5.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)</i>	<i>Thủ tục</i>	180	
2.5.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>	180	